

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

VAI TRÒ ĐỘNG TỪ NÓI NĂNG TRONG LỜI DẪN CỦA THOẠI DẪN TRỰC TIẾP (TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC) MAI THỊ HẢO YẾN*

TÓM TẮT: Mặc dù nằm trong hệ thống từ loại động từ, nhưng nghiên cứu về động từ nói năng cũng đã thu được một số kết quả vượt khỏi khuôn khổ từ loại của nó. Động từ nói năng không chỉ là động từ chỉ hoạt động nói năng. Từ nền tảng lí thuyết dụng học, động từ nói năng còn được xem xét với vai trò là các động từ biểu thị các hành động ngôn ngữ và là một thành tố tạo nên các hành động ở lời. Kết quả nghiên cứu của bài viết này tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của động từ nói năng trong tiếng Việt, đó là: Động từ nói năng trong lời dẫn không chỉ là thành tố tạo cấu trúc lời dẫn của thoại dẫn trực tiếp, mà động từ nói năng còn là tiêu chí quan trọng trong việc xác định hành động ngôn ngữ trong lời được dẫn, cũng như góp phần biểu lộ trạng thái cảm xúc... của người nói khi nói. Trong đó, giúp xác định hành động ngôn ngữ trong lời được dẫn là vai trò quan trọng nhất của động từ nói năng ở lời dẫn của thoại dẫn trực tiếp.

TỪ KHÓA: Vai trò; động từ nói năng; hành động ngôn ngữ; lời dẫn; thoại dẫn trực tiếp.

NHẬN BÀI: 13/03/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 13/05/2026

1. Đặt vấn đề

Động từ nói năng ((speech verbs - ĐTN)) được các nhà nghiên cứu ngôn ngữ chú ý cùng với tuyên bố “How to do things with word” (Hành động như thế nào bằng lời nói) của J.L. Austin - nhà triết học người Anh khi ông trình bày các chuyên đề ở Đại học Tổng hợp Harvard (Mỹ) vào năm 1955. Các động từ nói năng luôn được nhắc đến cùng với các hành động nói năng. Trong sự phân loại các hành động ngôn ngữ, Seale (1969) đưa ra một số hành động ở lời với những điều kiện nhất định. Các hành động mà Seale trình bày đều được gọi tên bởi chính các động từ nói năng, gồm: cảm ơn, thỉnh cầu, tuyên bố, khẳng định, khuyến cáo, cảnh cáo, chào, khen... Anna Wierzbicka, đã dùng các động từ nói năng để biểu thị các hành động ngôn ngữ trong tiếng Anh, chẳng hạn như: Ra lệnh (The order), Hỏi (The Ask₁), Yêu cầu (The Ask₂), Gọi (The Call), Trách mắng (The Argue), Chế diễu (The Mock), Tố cáo (The Accuse), Hứa (The Promise), Cảm ơn (The Thank), Phàn nàn (The Complain)... Các phân loại về hành động nói năng của D. Wunderlich, F. Recanati và của K. Bach và R.M. Harnish cũng không thể không dùng các động từ nói năng để biểu đạt các hành động hoặc nhóm các hành động ngôn ngữ.

Trong tiếng Việt, các động từ nói năng không chỉ là mối quan tâm của dụng học trong việc biểu đạt các hành động ngôn ngữ. Động từ nói năng còn được xem xét ở phương diện cấu trúc và ngữ nghĩa. Theo đó, các ĐTN mang tính phân tầng nghĩa rõ rệt và chịu ảnh hưởng của phong cách chức năng. Các ĐTN có thể tham gia vào các biện pháp tu từ để biểu thị các sắc thái nói. Tuy nhiên, bản chất của các ĐTN chính là biểu đạt các hành vi giao tiếp và tổ chức diễn ngôn.

Với bản chất chỉ hoạt động nói năng, có lẽ động từ nói năng còn nhiều phương diện cần phải bàn đến một cách thấu đáo hơn nữa. Cũng là nói, nhưng *nói* và *bảo* không giống nhau, cũng là *chửi*, nhưng *chửi* và *mắng* có sự khác biệt rõ rệt, hay *hứa* với *trì hoãn* đều là việc mà người nói muốn (phải) làm cho người nghe ở thời điểm tương lai, nhưng đó là *hứa* hay *trì hoãn* thì phải tính đến nhiều yếu tố... Nói như vậy để thấy sự “phức tạp” khi xem xét các động từ nói năng với tư cách là sự biểu thị các hành động nói năng, đồng thời cũng thấy được sự thú vị của tiếng Việt trong hành chức và hơn hết là những câu thúc về việc cần tiếp tục “giải mã” từ loại này từ bình diện ngữ dụng. Bài viết sẽ xem xét các động từ nói năng trong phạm vi *lời dẫn của thoại dẫn trực tiếp* ngõ hầu làm rõ hơn những tầng giá trị rất riêng của ĐTN trong hệ thống từ loại tiếng Việt.

*PGS.TS; Trường Đại học Hải Phòng; Email: haoyendhhd@gmail.com

2. Một số vấn đề chung

2.1. Về động từ nói năng

Để nghiên cứu ĐTNN trong lời dẫn của thoại dẫn trực tiếp, chúng tôi theo quan điểm của Đỗ Hữu Châu làm cơ sở lí thuyết. Đỗ Hữu Châu gọi các động từ nói năng là các động từ chỉ hành vi ngôn ngữ (speech act verb) với quan niệm, *động từ nói năng là cách gọi tắt các động từ chỉ các hành vi ở lời - tức các hành động ở lời* (Đỗ Hữu Châu, 2005, tr.453).

Thực tế ngôn ngữ cho thấy, ngoài những hành động nói năng khi thực hiện chỉ có hiệu lực ở lời như: *hỏi, đánh cuộc...*, còn có những hành động nói năng ngoài hiệu lực ở lời còn hướng tới cả hiệu lực tạo lời và mượn lời (*hỏi vặn, hỏi xỏ...*). Vì vậy, căn cứ vào hiệu lực (đích) ở lời, cách thức tạo lời (cách thức nói năng) và hiệu quả mượn lời trực tiếp, có thể phân loại các động từ nói năng trong tiếng Việt thành các tiểu loại gồm: động từ nói năng thuần khiết (duy nhất chỉ có hiệu lực ở lời), động từ chỉ cách thức nói năng và động từ vừa chỉ cách thức nói năng vừa chỉ hiệu quả mượn lời vừa chỉ hiệu quả ở lời (Đỗ Hữu Châu, 2005, tr.453). Như vậy, các ĐTNN nói chung, gồm ba loại: động từ nói năng thuần khiết, động từ chỉ cách thức nói năng và động từ vừa chỉ cách thức nói năng vừa chỉ hiệu quả mượn lời vừa chỉ hiệu quả ở lời. Trong lời dẫn ở thoại dẫn trực tiếp, các loại ĐTNN này đều xuất hiện. Nhưng vai trò của mỗi loại là khác nhau. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi chỉ bàn đến vai trò của các ĐTNN thuần khiết. Tức các động từ *gọi tên các hành động ngôn ngữ được hiểu là gọi tên các hành động ở lời* trong lời dẫn ở thoại dẫn trực tiếp.

2.2. Về lời dẫn và thoại dẫn trực tiếp

Hội thoại là một trong hoạt động cơ bản của xã hội loài người. Bởi vậy, hội thoại cũng là một mảng trong hiện thực của xã hội phải được phản ánh vào văn bản, nếu người viết muốn phản ánh hiện thực đúng như nó vốn có trong cuộc sống. Tất cả các loại hình văn bản, biên bản, báo cáo, tường thuật... đều cần đến sự tái hiện hội thoại. Xã hội càng hội nhập thì hoạt động hội thoại càng phát triển, mở rộng và sự tái hiện hội thoại vào văn bản (các nền tảng mạng xã hội, báo chí, truyền hình...) càng trở nên phổ biến, trong đó có các tác phẩm văn học. Việc nghiên cứu hội thoại trong văn bản nói chung và các tác phẩm văn học nói riêng, vì vậy rất hữu dụng. Chúng tôi dùng thuật ngữ "tái hiện hội thoại" để dịch thuật ngữ representation of speech. Sự "tái hiện hội thoại" chính là sự dẫn thoại. Tác phẩm văn học tự sự càng cần đến sự dẫn thoại. Chúng tôi sẽ gọi lời thoại được đưa vào văn bản thông qua sự dẫn thoại của người viết là *thoại dẫn* (reported speech).

Hội thoại được phản ánh vào tác phẩm văn học thông qua sự sáng tạo của nhà văn (người kể) và là một trong những nhân tố cơ bản cấu thành tác phẩm văn học. Các nhân vật văn học thể hiện tâm lí, tính cách, đặc điểm... không chỉ qua lời miêu tả của tác giả (người kể), qua hành động của nhân vật trong tác phẩm, mà còn thông qua giao tiếp - tức qua hội thoại của nhân vật với nhân vật. Vì thế, hội thoại vẫn thường là một kĩ thuật quan trọng để đặc tả nhân vật và được dùng thường xuyên trong tác phẩm văn học. Tất nhiên, việc dẫn các lời thoại "tường tượng" đó vẫn phải tuân theo những quy tắc dẫn thoại nói chung.

Ngôn ngữ học hiện nay phân biệt hai hình thức dẫn thoại cơ bản: trực tiếp và gián tiếp (tức thoại dẫn trực tiếp - direct speech và thoại dẫn gián tiếp - indirect speech). Thoại dẫn với hai hình thức thoại dẫn trực tiếp và thoại dẫn gián tiếp được Aristote xem là thuộc phạm trù "bắt chước" (imitation) và gọi tên là oratio recta - thoại dẫn trực tiếp và oratio obliqua - thoại dẫn gián tiếp. Thoại dẫn trực tiếp là một kiểu "showing" (diễn) và thoại dẫn gián tiếp là một kiểu "diegesis" (kể) là một dạng của "bắt chước". Một thoại dẫn thường có cấu trúc tổng quát: lời dẫn (Lời người dẫn, kể, nói, viết) và lời được dẫn (Lời thoại, ý nghĩ của nhân vật). Như vậy, thoại dẫn luôn có hai thành phần: lời dẫn và lời được dẫn. *Lời dẫn là lời của người dẫn*, còn *lời được dẫn là lời thoại - các hành động ngôn ngữ của nhân vật*.

Mặc dù, chúng ta hiểu lời dẫn là lời của người kể. Nhưng có lẽ, cần phải xác định cụ thể cái gọi là lời dẫn cho một lời hay nhiều lời được dẫn (trong dòng chảy) của lời kể - lời tự sự của tác giả. Thông thường, trước khi lời thoại - lời được dẫn xuất hiện, không chỉ có một lời dẫn kiểu như: *Tôi nói* cho lời được dẫn: *Em về đi!*, hoặc: *Anh ta nói* cho lời được dẫn: *Có hãy về đi!*..., mà bao giờ cũng có rất nhiều lời kể, lời miêu tả về nhân vật, về ngữ cảnh... của hội thoại, hoặc về hành động của nhân vật... Lời dẫn

nằm trong “dòng chảy” đó của tác phẩm. Để xác định lời dẫn cho một lời được dẫn, hoặc nhiều lời được dẫn, vì vậy, cũng không đơn giản. Do đó, chúng tôi chỉ xem là lời dẫn cho lời được dẫn, nếu ở vị trí trước lời được dẫn thì *lời dẫn là câu cuối cùng trong lời tự sự của tác giả trước khi lời được dẫn xuất hiện*. Trường hợp lời dẫn có vị trí ở giữa lời được dẫn thì dễ thấy, vì thông thường chúng chỉ là một câu, còn trường hợp vị trí lời dẫn ở sau lời được dẫn thì chúng tôi sẽ xem *lời dẫn là câu xuất hiện ngay sau lời được dẫn*. Ví dụ (VD):

VD (1) ... *Tôi còn nhớ rõ lắm. Có một linh cảm gì đó nhắc tôi rằng không được trì hoãn. Hôm ấy, tôi đánh bao hen nạng:*

- Ngày mai Thùy Châu có rồi không? Tôi muốn mời Thùy Châu đi chơi, nói câu chuyện... (Vũ Thị Hào, 2002, tr.260)

Lời dẫn là : “*Hôm ấy, tôi đánh bao hen nạng*”.

VD (2): ... *Tôi bơi qua sông, đến bãi Nổi. Cây muôm đại thụ bị sét đánh bao nhiêu năm khô xác, dưới gốc cây bọn trẻ đốt lửa làm thành cái hốc lõm sâu đen sì. Tôi rẽ vào một túp lều cạnh lười cạnh đấy. Tôi ngó vào, rừng mình thấy trong xó tối có một lão già nằm trên ổ rom dưới đất. Thấy tôi, lão già hỏi: “Đó Thi đấy à?”* (Nguyễn Huy Thiệp, 2007, tr.170)

Lời dẫn là: “*Thấy tôi, lão già hỏi:*” (Có nghĩa là lời kể: “Tôi bơi qua sông...ổ rom dưới đất” không thuộc phạm vi nghiên cứu của bài viết này).

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Nhận xét chung

Trong một nghiên cứu (Mai Thị Hào Yến, 2015), chúng tôi đã nói đến những vai trò cơ bản của ĐTNN trong tiếng Việt, đó là: Động từ nói năng với vai trò biểu thị các hành động ngôn ngữ và Động từ nói năng là một thành tố tạo nên các hành động ở lời. Tuy nhiên, ĐTNN không chỉ có vai trò biểu thị các hành động ngôn ngữ và là một thành tố tạo nên các hành động ở lời, mà còn có vai trò trong lời dẫn của thoại dẫn nói chung. Sau đây, chúng tôi sẽ làm rõ những vai trò của ĐTNN trong lời dẫn của thoại dẫn trực tiếp.

3.2. Động từ nói năng tham gia vào cấu trúc lời dẫn của thoại dẫn trực tiếp

Như đã nói, một thoại dẫn dù trực tiếp hay gián tiếp thường gồm hai thành phần: *thứ nhất* là lời dẫn của người dẫn (người kể, nói, viết), *thứ hai* là lời được dẫn - hành động ngôn ngữ (lời của nhân vật). Trong thành phần thứ nhất - lời dẫn, có sự tham gia của ĐTNN.

VD (3): ... *Thấy nàng lặng thản ra nghĩ, tôi dè dặt đề nghị:*

- *Hay là chiều nay về nhà ăn cơm với mấy bố con. Anh sẽ trở tài nấu bếp cho em xem. Anh nấu canh cá chua kiểu miền Nam, ngon tuyệt, cái món mà em thích ấy.* (Nguyễn Thị Thu Huệ, 2002, tr.282)

VD (4): (Trên đò, một bà cụ đang ngồi tư lự). *Tôi bước lại gần khẽ hỏi:*

- *Cụ ơi, chị Thắm lái đò còn ở đây không?* (Nguyễn Huy Thiệp, 2007, tr.75)

VD (5):... (Trông từ đằng xa đã ghét rồi!) *Nhưng không thể đuổi ông về, các cụ đành cố tươi cười, chào mời ông vồn vã:*

- *Kìa! Ông Cửu!... Mời ông vào trong này. Chúng tôi đợi ông mãi. Mời ông vào thưởng trồng.*

Ông xua xua cái tay trong túi áo. Cái áo thùng thình làm hai cái dải bơi chèo thình thoảng lại thè lè ra. Ấy là ông từ chối:

- *Mời các cụ! Mời các cụ!... Các cụ cho mặc ý. Con nhà binh, thích chạy nhăng hơn tĩnh tọa.* (Nam Cao, 2013, tr.118)

ĐTNN *đề nghị*, *hỏi*, *chào mời* và *từ chối* đã tham gia cấu thành lời dẫn: “Thấy nàng lặng thản ra nghĩ, tôi dè dặt đề nghị” (3), “Tôi bước lại gần khẽ hỏi” (4), “Nhưng không thể đuổi ông về, các cụ đành cố tươi cười, chào mời ông vồn vã” và “Ấy là ông từ chối” (5). Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi cũng nhận thấy rằng, không phải các ĐTNN trong lời dẫn đều dẫn các hành động ngôn ngữ trong lời được dẫn một cách tương ứng như các trường hợp trên. Tức, ĐTNN *đề nghị* trong lời dẫn dẫn hành động ngôn ngữ *đề nghị* (của tôi) ở lời được dẫn (3), hay ĐTNN *hỏi* dẫn hành động ngôn ngữ *hỏi* (của tôi) ở lời được dẫn (4) và các ĐTNN *chào mời*, *từ chối* dẫn hành động ngôn ngữ *chào mời* (của các cụ) và hành động *từ chối* (của ông Cửu) ở lời được dẫn (5). Chúng tôi sẽ nói rõ hơn vấn đề này ở mục tiếp theo.

3.3. Động từ nói năng trong lời dẫn là tiêu chí quan trọng trong việc xác định hành động ngôn ngữ trong lời được dẫn

Hành động ngôn ngữ là một khái niệm được bắt đầu từ nghiên cứu của Austin (Austin John L., 1965). Đến Austin thì việc “nói tức là làm” (When I say,...) mới thực sự được chú ý. Austin cho rằng nói năng là một hành động giống như các hành động khác của con người, chỉ khác đây là loại hành động được thực hiện bằng lời, nó gây ra biến đổi nào đó trong thực tế và ảnh hưởng tới đối tượng tiếp nhận. Trước hết, Austin phân biệt hai kiểu câu trong thực tiễn ngôn hành, đó là: câu tường thuật (constative sentence) dùng để thông báo về về cái gì đó với ý nghĩa tương đối ổn định và người ta có thể nhận xét câu nói đó là đúng hay sai; và câu ngôn hành (performative sentence) là câu mà người nói không nhằm để nói về một cái gì đó mà để thực hiện hành động. Ông tiếp tục phát triển quan điểm này khi cho rằng tất cả các câu nói đều là câu ngôn hành. Theo Austin, khi nói ra một câu trong một ngữ cảnh cụ thể nào đó là đồng thời người ta thực hiện cả ba kiểu hành động ngôn từ sau: Hành động tạo lời (Locutionary), Hành động tại lời (Illocutionary) và Hành động ở lời (Perlocutionary). Để xác định một hành động ngôn ngữ cũng không đơn giản. Chính vì vậy, có nhiều cách phân loại các hành động ngôn ngữ khác nhau. Đó là các cách phân loại của Austin, của Searle, hay của Wierzbicka... cũng như các điều kiện nhất định để thực hiện các hành động.

Trong giao tiếp, một số hành động nói năng như *hứa* hay *trì hoãn* là các hành động ngôn ngữ phổ biến và có vẻ như dễ dàng nhận biết. Nhưng để xác định hành động ngôn ngữ đó là *hứa* hay *trì hoãn* không đơn giản. Vậy nên, sự hiện diện của các ĐTNN trong lời dẫn sẽ có vai trò quan trọng trong việc xác định chính xác hành động ngôn ngữ trong lời được dẫn. Xem xét các trường hợp sau:

VD (6): - *Sương, em cứ ở đây. Ngày mai tôi sẽ đưa em về.* - Ông Hùng đứng chặn ngang cửa, cặp mắt sáng lên. (Chu Lai, 2006, tr.339)

VD (7): *Hắn hầm hầm chĩa vào mặt mẹ mà bảo rằng:*

- *Cái giống nhà mày không ưa nhẹ! Ông mua chứ ông có xin nhà mày đâu! Mày tưởng ông quyết hở? Mày thử hỏi cả làng xem ông có quyết của đứa nào bao giờ không? Ông không thiếu tiền! Ông đang còn gửi đàng cụ Bá, chiều nay ông đi lấy về ông trả.* (Nam Cao, 2013, tr.43)

Các phát ngôn “*Ngày mai tôi sẽ đưa em về!*” (6) và “*Chiều nay ông đi lấy về ông trả*” (7) trong các trường hợp trên đều có thể hiểu là *hứa* hoặc *trì hoãn*. Bởi vì, các biểu thức ngữ vi của các hành động ngôn ngữ này có dấu hiệu hình thức và nội dung mệnh đề giống nhau. Và trong lời dẫn “*Ông Hùng đứng chặn ngang cửa, cặp mắt sáng lên*” (6) và “*Hắn hầm hầm chĩa vào mặt mẹ mà bảo rằng*” (7) thì trong (6) không có ĐTNN, còn (7) thì ĐTNN “*bảo*” là một ĐTNN có thể dẫn đầu như tất cả các hành động ngôn ngữ bởi nghĩa phổ quát của nó (“*nói ra điều gì đó với ai*”... - *Từ điển tiếng Việt*, 2011, tr.62). Vì vậy, sự lúng túng trong việc xác định các hành động ngôn ngữ của nhân vật trong các trường hợp trên, chính xác là *hứa* hay *trì hoãn* là điều dễ hiểu. Bởi cả hành động *trì hoãn* và *hứa* đều được Austin và Searle xếp cùng vào nhóm Kết ước (commissives). Tức nhóm hành động mà người nói khi nói ra luôn bị ràng buộc phải thực hiện một hành động nào đó. Tức cả *hứa* và *trì hoãn* đều là các hành động nói năng mà người nói cam kết sẽ thực hiện hành động nào đó đối với người nghe. Trong (6) và (7), người nói đều cam kết sẽ thực hiện việc “*sẽ đưa về*” (với em) và “*chiều nay ông đi lấy (tiền) về ông trả*” (cho mẹ). Hơn nữa, cả hành động *hứa* và hành động *trì hoãn* đều có sự có mặt của yếu tố thời gian. Và đây cũng là điểm chung trong cách phân loại đối với hai hành động này theo cách phân loại của Austin và Searle: người nói hứa sẽ thực hiện hành động, nhưng không phải tức thời, mà là một thời điểm nào đó có thể xác định hoặc không xác định trong tương lai với những điều kiện nào đó: (6) là “*ngày mai*” và (7) là “*chiều nay*”.

Với nhiều yếu tố liên quan như: ngữ cảnh, người nói, người nghe, nội dung mệnh đề, kết cấu, các IFIDs (illocutionary force indicating devices),... chúng ta có thể xác định được các trường hợp (6,7) trên trong nhóm Kết ước (commissives) theo cách phân loại của Austin và Searle là *hứa* (6), còn (7) là *trì hoãn* (Xem thêm Mai Thị Hảo Yến, 2023). Chúng tôi đưa ra các tình huống này để thấy sự có mặt của ĐTNN trong lời dẫn là rất quan trọng, bởi nó sẽ có thể giúp xác định ngay các hành động ngôn ngữ trong lời được dẫn (mà không cần phải viện dẫn đến các tiêu chí khác). Ví dụ:

VD (8)... Lão Kiên chửi:

- Mẹ cha mày, tao chỉ nghĩ thân tao, thì lũ chúng mày được thế này à? (Nguyễn Huy Thiệp, 2007, tr.131)

VD (9) ... Lễ phép, mẹ con chị Dậu cúi đầu chào:

- Bẩm cụ, vì nhà con bị trói ở đình... (Ngô Tất Tố, 2012)

Rõ ràng phát ngôn “Mẹ cha mày, tao chỉ nghĩ thân tao, thì lũ chúng mày được thế này à?” (của lão Kiên) chắc chắn là hành động ngôn ngữ chửi, còn “Bẩm cụ, vì nhà con bị trói ở đình...” (của chị Dậu) là hành động ngôn ngữ chào, bởi vì người kể đã “nói” đó là chửi và chào bằng các ĐTNN chửi, chào trong lời dẫn “Lão Kiên chửi” và “Lễ phép, mẹ con chị Dậu cúi đầu chào”.

Như chúng tôi đã nói, các ĐTNN nói chung, gồm ba loại: động từ nói năng thuần khiết, động từ chỉ cách thức nói năng và động từ vừa chỉ cách thức nói năng vừa chỉ hiệu quả mượn lời vừa chỉ hiệu quả ở lời. Trong lời dẫn ở thoại dẫn trực tiếp, các loại ĐTNN này đều xuất hiện. Nhưng vai trò của mỗi loại là khác nhau. Đặc biệt, các loại này không đồng thời có chức năng gọi tên/ biểu hiện các hành động ngôn ngữ. Chỉ có các ĐTNN thuần khiết mới có thể chỉ hành động ngôn ngữ (speech act verb), tức mới có thể biểu thị - gọi tên hành động ngôn ngữ. Vì vậy, chỉ có các ĐTNN thuần khiết có mặt trong lời dẫn, thì mới chỉ - gọi tên các hành động ngôn ngữ trong lời được dẫn. Ví dụ:

VD (10) Tiếng bà phó giục:

- Cái đi đi đâu rồi? Đem em về đây, rồi quét nhà, dọn cơm. (Nam Cao, 2013, tr.232)

VD (11) Chị mắng anh:

- Im đi! Lại còn nói người ta!... Người ta đang ngủ mặc người ta, ai bảo mò đến giường người ta. (Nam Cao, 2013, tr.279)

VD (12) (Nhưng đến gần tới thì con vợ lẳng lặng đi giết gà, mua rượu, nấu cơm, dọn lên và mời chồng ra ăn). Nó ngọt ngào xin lỗi chồng:

- Buổi sáng hôm nay, cậu nóng mà em cũng nóng. Trong lúc quá giận, em ăn nói có quá lời. Như thế là em không phải, bây giờ em biết hối, em xin cậu, cậu bỏ quá đi cho em! (Nam Cao, 2013, tr.321)

VD (13) Đến một cái cổng gạch lớn có dây leo, anh Hoàng giật dây chuông. Một thằng bé chạy ra lễ phép chào:

- Lạy ông! (Nam Cao, 2013, tr.830)

VD (14) Vợ lo ngại hỏi: (Nam Cao, 2013, tr.20)

Các hành động ngôn ngữ “- Cái đi đi đâu rồi? Đem em về đây, rồi quét nhà, dọn cơm; Im đi! Lại còn nói người ta!... Người ta đang ngủ mặc người ta, ai bảo mò đến giường người ta!; - Buổi sáng hôm nay, cậu nóng mà em cũng nóng. Trong lúc quá giận, em ăn nói có quá lời. Như thế là em không phải, bây giờ em biết hối, em xin cậu, cậu bỏ quá đi cho em!” và “Bây giờ người thế nào, để tôi kể với ông lang lấy thuốc?” là các hành động ngôn ngữ: giục, mắng, xin lỗi, chào và hỏi. Tức việc xác định các hành động nói trên đã được xác định ngay trong lời dẫn bởi các ĐTNN: giục, mắng, xin lỗi, chào hay hỏi.

3.4. Động từ nói năng trong lời dẫn góp phần biểu lộ thái độ, cảm xúc của người nói

Trong một nghiên cứu (Mai Thị Hảo Yên, 2024), chúng tôi đã khẳng định: Có thể nói không ngoa rằng, khó mà có dân tộc nào “nhiều lời” như dân tộc Việt. Minh chứng rõ ràng nhất cho điều này chính là tiếng Việt có một hệ thống các động từ nói năng vô cùng phong phú. Chỉ với các truyện ngắn của Nam Cao thôi, chúng tôi đã khảo sát được - có tới hơn 200 động từ nói năng. Chưa kể các động từ biểu thị cách thức, thái độ trong nói năng - tức các động từ thường được gọi là động từ chỉ cách thức nói năng cũng phong phú không kém (hơn 100 động từ chỉ cách thức nói năng). Với một số lượng rất lớn các ĐTNN (thuần khiết) biểu thị các hành động ở lời như vậy, chúng tôi cho các ĐTNN có thể gọi tên hầu hết các “mục đích” nói năng. Theo đó, sự hiện diện của các ĐTNN trong lời dẫn, ngoài vai trò: tham gia vào cấu trúc lời dẫn của thoại dẫn trực tiếp, là tiêu chí quan trọng trong việc xác định hành động ngôn ngữ trong lời được dẫn, thì ĐTNN còn có thể góp phần biểu lộ thái độ, cảm xúc... của người nói. Ngoài hai động từ có ý nghĩa khái quát về việc nói năng “nói, bảo”, thì nhìn chung, các ĐTNN trong lời dẫn có thể góp phần biểu lộ thái độ, cảm xúc... tích cực và cả cảm xúc tiêu cực của người nói.

3.4.1. Động từ nói năng trong lời dẫn góp phần biểu lộ thái độ, cảm xúc... tích cực

Đó là các ĐTNN như: *khen, dỗ, hứa, an ủi, xin lỗi, đùa, can, làm nũng, tán tụng, khuyên giải, chào, nựng, tán thành...* chỉ (gọi tên) các hành động nói năng: *khen, dỗ, hứa, an ủi, xin lỗi, đùa, can, làm nũng, tán tụng, khuyên giải, dỗ dành, chào, nựng, tán thành...* với sự biểu lộ thái độ, cảm xúc... tích cực.

Ví dụ:

VD (15) ... Bà Hân dỗ dành:

- *Mới tí tuổi đầu mà than khổ người ta cười cho... Nghe lời u dậy ăn cơm tối rồi hai mẹ con sang bên Cổ Am xem bói. Cô đồng Xuyên ở trên tỉnh về đang trọ ở nhà dì Thảo, nghe nói bói giỏi như thần.* (Nguyễn Huy Thiệp, 2007, tr.531)

VD (16) Tôi an ủi lão:

- *Cụ cứ tưởng thế đấy chứ nó chả hiểu đâu! Và lại ai nuôi chó mà chả bán hay giết thịt? Ta giết thịt nó chính là hóa kiếp cho nó đấy, hóa kiếp để cho nó làm kiếp khác!* (Nam Cao, 2013, tr.252)

(17) Chị nhắm hai mắt lại, nựng con:

- *Thương con tôi quá! Con tôi ngủ với nó từ chập tối đến giờ. Mẹ bỏ đi mất. Mẹ hư quá! Bố thằng Tây làm khổ con!* (Nam Cao, 2013, tr.782)

ĐTNN “dỗ dành, an ủi, nựng” trong các lời dẫn cho các lời được dẫn “Mới tí tuổi đầu mà than khổ người ta cười cho... Nghe lời u dậy ăn cơm tối rồi hai mẹ con sang bên Cổ Am xem bói. Cô đồng Xuyên ở trên tỉnh về đang trọ ở nhà dì Thảo, nghe nói bói giỏi như thần”, “Cụ cứ tưởng thế đấy chứ nó chả hiểu đâu! Và lại ai nuôi chó mà chả bán hay giết thịt? Ta giết thịt nó chính là hóa kiếp cho nó đấy, hóa kiếp để cho nó làm kiếp khác!” và “Thương con tôi quá! Con tôi ngủ với nó từ chập tối đến giờ. Mẹ bỏ đi mất. Mẹ hư quá! Bố thằng Tây làm khổ con!” biểu thị các hành động *dỗ dành, an ủi, nựng*. Những hành động này đều là các hành động hướng đến sự yêu thương, đồng cảm... của người nói - SP1 (Bà Hân, ông giáo Thứ, chị Đĩ Chuột) đối với người nghe - SP2 (con gái, lão Hạc, thằng cu con). Bởi *dỗ dành* chính là “làm cho bằng lòng, cho nghe theo bằng lời nói dịu dàng, khéo léo...” (Hoàng Phê, 2011, tr.422), *an ủi* là “làm cho người đang có điều đau buồn dịu bớt nỗi đau khổ, buồn phiền...” (Hoàng Phê, 2011, tr.9) và *nựng* là “tỏ rõ sự âu yếm trẻ con bằng lời nói, cử chỉ” (Hoàng Phê, 2011, tr.1170). Và SP1 nói với SP2 các hành động nói năng này chính là mẹ đối với con ở (15), (17) và thầy giáo với người hàng xóm đáng thương của mình (16).

3.4.2. Động từ nói năng trong lời dẫn góp phần biểu lộ thái độ, cảm xúc... tiêu cực

Trong quá trình khảo sát các ĐTNN, chúng tôi nhận thấy: trong tiếng Việt, các ĐTNN biểu thị các hành động ngôn ngữ mang tính tiêu cực có số lượng nhiều hơn nhiều các ĐTNN biểu thị các hành động ngôn ngữ mang tính tích cực. Có lẽ sắc thái tích cực trong sự nói năng dễ thấy hơn, nên các từ dùng để gọi tên cũng ít hơn và cũng có thể thay thế dễ dàng cho nhau hơn chẳng. Còn sắc thái tiêu cực thì nhiều mức độ hơn và ở mỗi mức độ tính “sát thương” theo đó cũng đa dạng hơn. Chính vì thế, mà các ĐTNN biểu thị các hành động ngôn ngữ mang tính tiêu cực có số lượng nhiều hơn các ĐTNN biểu thị các hành động ngôn ngữ mang tính tích cực. Chẳng hạn, chỉ tính riêng trong nhóm hành động ngôn ngữ *chửi mắng* có tới 35 các ĐTNN gọi tên các sắc thái, và “mức độ” xúc phạm người nghe, bao gồm: *chửi, mắng, trách, quát, trị, gây sự, gắt, gắt gỏng, trả miếng, mạt sát, nạt, nạt nộ, giễu, mỉa, mỉa mai, xỉ mắng, chửi đổng, chế nhạo, cạnh khỏe, buộc tội, chê, chế diễu, la, la lối, buộc tội, rửa, rửa xả, cẩu, cẩu gắt, cằn nhằn, nạt, nạt nộ, đay nghiến, xia xối, lẳng mạ...* Ngoài ra, còn có các động từ chỉ cách thức nói năng mang tính chất *chửi*, như: *rít, rú, gào, thét, hét, gầm, the the, sừng sộ, hậm hực, hực hực, lia rĩa, rền rĩ, riết róng, xa xả...*

VD (18) ... Y mạt sát cụ Hải Nam:- *Cái lão già thối đến thế là cùng! Thối đến thế là cùng! Đặt một tượng khỏa thân trơ trẽn bên cạnh một hòn non bộ! Chửi mỹ thuật! Khiêu dâm! Đểu cáng!*... (Nam Cao, 2013, tr. 598)

VD (19) - Mày ngậy ăn người! Con khôn nạn! Đồ thối thây! Đồ lộn giống!

Bà Thìn giật tóc cô cháu xia xối... (Ma Văn Kháng, 2006)

VD(20) ... Bà cô Thị Nở chỉ vào tận mặt cháu mà đay nghiến: - *Phúc đời nhà mày, con nhé! Chả ôm lấy ông Chí Phèo!* (Nam Cao, 2013, tr.598)

VD (21) *Hắn không cho bà nói hết, hắn trợn mắt gắt lên với bà:*

- *Im đi! Đừng lời thôi!* (Nam Cao, 2013, tr.318)

ĐTNN “mặt sất, xía xói, đay nghiêng, gắt” trong các lời dẫn cho các lời được dẫn “Cái lão già thối đến thế là cùng! Thối đến thế là cùng! Đặt một tượng khỏa thân trơ trên bên cạnh một hòn non bộ! Chửi mĩ thuật! Khiêu dân! Đều cáng!...”, “Mày ngậy ăn người! Con khốn nạn! Đồ thối thây! Đồ lộn giống!”, “Phúc đời nhà mày, con nhé! Chả ôm lấy ông Chí Phèo!” và “- Im đi! Đừng lời thôi!” biểu thị các hành động *mặt sất, xía xói, đay nghiêng* và *gắt*. Những hành động này đều là các hành động bày tỏ thái độ không hài lòng, xúc phạm của người nói - SP1 (Y, bà Thìn, bà cô Thị Nở và nhân vật *hắn*) đối với người nghe - SP2 (cụ Hải Nam, cô cháu, Thị Nở, và nhân vật *bà*). Bởi *mặt sất* chính là “dùng những lời lẽ quá đáng để nhằm hạ thấp giá trị của người khác...” (Hoàng Phê, 2011, tr.957), *xía xói* là “xía liên tiếp vào mặt người khác để mắng chửi...” (Hoàng Phê, 2011, tr.1775), *đay nghiêng* là “nói đi nói lại thiếu sót hay khuyết điểm của người khác với giọng chì chiết, làm cho người ta phải khổ tâm...” (Hoàng Phê, 2011, tr.469) và *gắt* là “nói với giọng điệu, thái độ thiếu bình tĩnh, thiếu ôn hòa, để trút nỗi bức dọc” (Hoàng Phê, 2011, tr.588).

Ngoài các ĐTNN biểu thị các hành động ngôn ngữ thuộc nhóm *chửi mắng*, còn có các ĐTNN khác cũng biểu thị - gọi tên các hành động ngôn ngữ mang tính tiêu cực như: *cạnh khỏe, phịa, nhạo, dọa, đe dọa, chế nhạo, bình phẩm, dò xét, đuổi...*

VD (22): ... *Thứ đã mỉm cười chế nhạo Oanh:*

- *Cô tưởng chúng mình vẫn tử tế với chúng nó đó ư? Nhảm! Ở đời này, chẳng thằng nào tử tế với thằng nào! Sao cô lại kể ơn!...* (Nam Cao, 2013, tr.621)

VD (23) ... *Ông Học vẫn chưa thôi bình phẩm người vợ bạc tình của anh ta:*

- *Đời bây giờ, người ta cứ vắng tẻ! Thứ ngày xưa xem! Cứ gọi là voi giày, ngựa xéo...* (Nam Cao, 2013, tr.683)

ĐTNN “chế nhạo, bình phẩm” trong các lời dẫn cho các lời được dẫn “Cô tưởng chúng mình vẫn tử tế với chúng nó đó ư? Nhảm! Ở đời này, chẳng thằng nào tử tế với thằng nào! Sao cô lại kể ơn”, và “Đời bây giờ, người ta cứ vắng tẻ! Thứ ngày xưa xem! Cứ gọi là voi giày, ngựa xéo” biểu thị hành động ngôn ngữ *chế nhạo* và hành động ngôn ngữ *bình phẩm*. Những hành động này đều là các hành động nói năng thiếu lịch sự, thiếu tế nhị của người nói - SP1 (Thứ, ông Học) đối với người nghe - SP2 (Oanh, và người vợ bạc tình). Bởi *chế nhạo* chính là “nêu thành trò cười để tỏ ý mỉa mai, coi thường...” (Hoàng Phê, 2011, tr.246), và *bình phẩm* là “phân tích và bày tỏ ý khen chê, đánh giá thường về một người nào đó...” (Hoàng Phê, 2011, tr.116). Trong thực tế, *bình phẩm* thường là sự đánh giá, chê bai về một người nào đó.

Điều thú vị là hầu hết các hành động ngôn ngữ trong tiếng Việt đều có thể được dẫn trong lời dẫn bởi ĐTNN *nói* hoặc *bảo*. Nhưng khi người dẫn gọi tên hành động ngôn ngữ của nhân vật bằng chính các ĐTNN tương ứng thì điều đó gần như là một cách “tuyên bố” về hiệu lực ở lời, hay có thể diễn đạt bằng ngôn ngữ phổ thông hơn đó là *mục đích nói* (của người nói với người nghe). Đúng vậy, mục đích nói của nhân vật được tác giả - người kể “phơi bày” luôn trong lời kể - lời dẫn của mình. Điều này phần nào cho thấy rõ hơn “tính chất” nói của nhân vật. Tức phát ngôn của nhân vật khi đó đích thị là lời *chửi*, lời *mắng*, lời *mặt sất* hoặc lời *đe dọa*; cũng như đó là lời *khen*, lời *dỗ dành* hay *tán tụng*. Nói, như vậy không chỉ là phát ngôn với những nội dung. Nó còn “nói” nhiều hơn thế! Bởi *nói* chính là sự thể hiện nội tâm, cảm xúc, tư cách, đạo đức, nhân phẩm... Một người (nhân vật) có thể *khen*, có thể *nựng*, có thể *an ủi*... là một người có sự đồng cảm, sự thấu hiểu... Còn một người (nhân vật) thường *chửi*, *mắng*, thường *cấu gắt*, *đay nghiêng*... là một người có lẽ đang giận dữ, đang tổn thương, hoặc đang có tình xúc phạm, cố tình làm nhục người mà phát ngôn của họ hướng tới - tức SP2.

4. Kết luận

Trên nền tảng lí thuyết dụng học, nghiên cứu đã chỉ ra rằng: ngoài vai trò biểu thị các hành động ngôn ngữ và là một thành tố tạo nên các hành động ở lời, ĐTNN còn có tầm quan trọng đáng kể trong lời dẫn ở thoại dẫn nói chung. Động từ nói năng trong lời dẫn không chỉ là *thành tố tạo cấu trúc lời dẫn* của thoại dẫn trực tiếp, mà ĐTNN còn là *tiêu chí quan trọng trong việc xác định hành động ngôn ngữ* trong

lời được dẫn, cũng như góp phần *biểu lộ trạng thái, cảm xúc...* của người nói. Trong đó, giúp *xác định hành động ngôn ngữ* trong lời được dẫn là vai trò quan trọng nhất của ĐTNN trong lời dẫn ở thoại dẫn trực tiếp. Điều này cho thấy, chỉ cần dựa vào các ĐTNN thôi, việc xác định các hành động ngôn ngữ trong lời được dẫn sẽ không cần phải dựa vào các tiêu chí khác nữa. Quan trọng hơn, nghiên cứu tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của ĐTNN trong tiếng Việt. Các ĐTNN chiếm một số lượng tương đối lớn, gần như đủ để có thể gọi tên hầu hết các “mục đích” (các hành động) nói năng. Vì vậy, ĐTNN cần phải được tiếp tục nghiên cứu sâu hơn nữa... Ngoài ra, việc xác định người nói nói với mục đích gì - tức hành động ngôn ngữ gì (*tuyên bố, đề nghị, hay yêu cầu...*) để dẫn lại bằng các động từ nói năng biểu thị hành động đó trong thoại dẫn đối với các văn bản, ngôn bản trên truyền thông là rất quan trọng (đặc biệt là các phát biểu của các yếu nhân), với sự đòi hỏi nhiều kiến thức, cũng như sự nhạy cảm, tinh tế về ngôn ngữ tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đỗ Hữu Châu (2005), *Đỗ Hữu Châu tuyển tập*, Tập 2, Nxb Giáo dục.
2. Diệp Quang Ban, Nguyễn Văn Thung (2006), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Tập 1, NXB Giáo dục.
3. Nguyễn Văn Khang (2014), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
4. Hoàng Phê (chủ biên), (2011), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
5. Nguyễn Kim Thán (1977), *Động từ trong tiếng Việt*, Nxb KHXH.
6. Mai Thị Hào Yên (2016), *Các hình thức thoại dẫn*, Nxb Khoa học xã hội.

Tiếng Anh

7. Austin John L. (1965), *How to do things with word*, Oxford University Press, New York.
8. Bach K. – Harnish R.M.. (1984), *Linguistic Communication and Speech Act*, Library of Congress Cataloging in Publication Data.
9. Seale J.R., (1969), *Speech Acts*, Cambridge University Press.
10. Wierzbicka Anna (1987), *English Speech Act Verbs*, Academic Press Australia, NSW.
11. Yule G., (1986), *Pragmatics*, Oxford University Press.

TU LIỆU NGHIÊN CỨU

1. Nam Cao (2013), *Tuyển tập Nam Cao*, Nxb Văn học.
2. Vũ Thị Hào (2002), *Vũ điệu địa ngục* (Truyện ngắn bốn cây bút nữ), Nxb Văn học
3. Nguyễn Thị Thu Huệ (2002), *Tình yêu ơi, ở đâu?* (Truyện ngắn bốn cây bút nữ), Nxb Văn học
4. Chu Lai (2006), *Ấn mây dĩ vãng*, Nxb Hà Nội.
5. Ma Văn Kháng (2006), (trong) *50 truyện ngắn chọn lọc*, Nxb Văn hóa Sài Gòn.
6. Nguyễn Huy Thiệp (2007), *Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*, Nxb Văn hóa Sài Gòn.
7. Ngô Tất Tố (2012), *Ngô Tất Tố tuyển tập*, Nxb Văn học.

The role of speech verbs in the reporting clause of direct speech (in literary works)

Abstract: Although speech verbs belong to the grammatical category of verbs, research on speech verbs has produced many findings that go beyond the boundaries of this word class. Speech verbs are not merely verbs denoting acts of speaking. From the perspective of pragmatic theory, speech verbs are also examined as verbs that express speech acts and as components that contribute to the formation of illocutionary acts. The findings of this study further affirm the importance of speech verbs in Vietnamese. Specifically, speech verbs in reporting clauses are not only structural elements that form the reporting clause of direct speech, but they also serve as an important criterion for identifying the speech act expressed in the quoted utterance. In addition, they contribute to expressing the emotional state and attitude of the speaker during the act of speaking. Among these functions, the most significant role of speech verbs in the reporting clause of direct speech is to help identify the speech act conveyed in the quoted utterance.

Key words: Role; speech verbs; speech acts; reporting clause; direct speech.